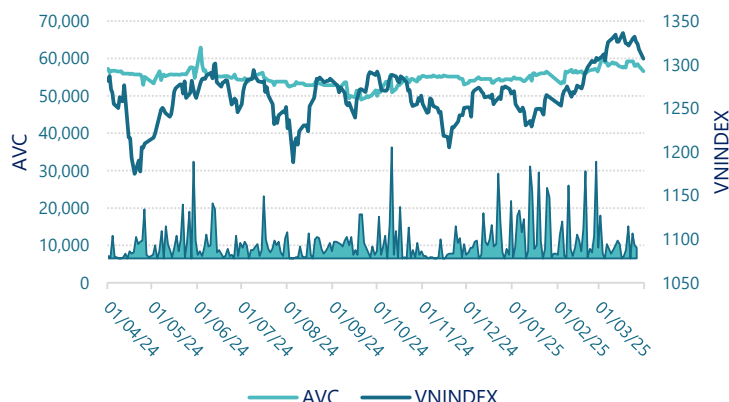


CTCP Thủy Điện A Vương (UPCOM: AVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	56,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,916
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,988
SL cổ phiếu LH	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	740
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,248
P/E	12.9
EPS	4,379

DT thuần

Q1/25

131

tỷ VNĐ

QoQ: ▼144| -52.5%

YoY: ▲ 39.0| 42.1%

LN sau thuế

Q1/25

59.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼71.2| -54.4%

YoY: ▲ 26.5| 79.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

49.2%

+/- YoY: ▼ 6.1%

DT thuần

2024

752

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0| 8.0%

LN sau thuế

2024

297

tỷ VNĐ

YoY: ▼49.0| -14.2%

ROE

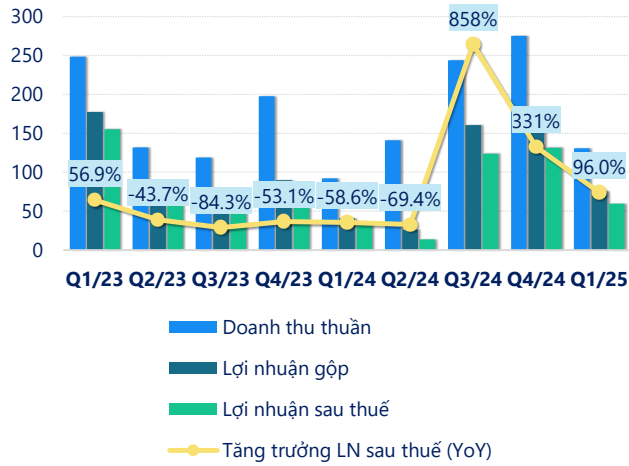
2024

24.6%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

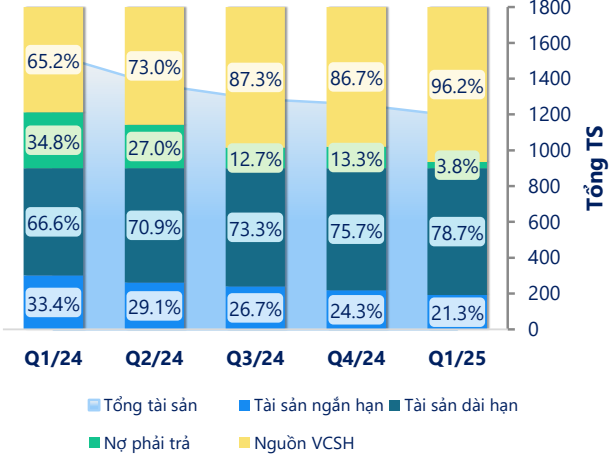
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

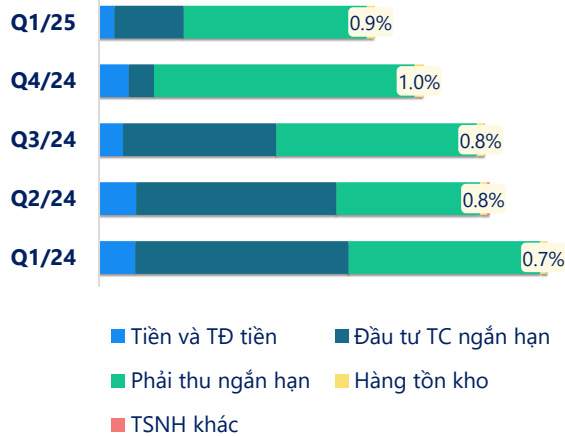
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



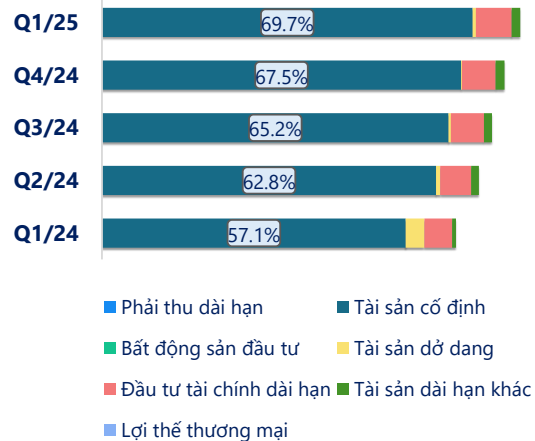
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

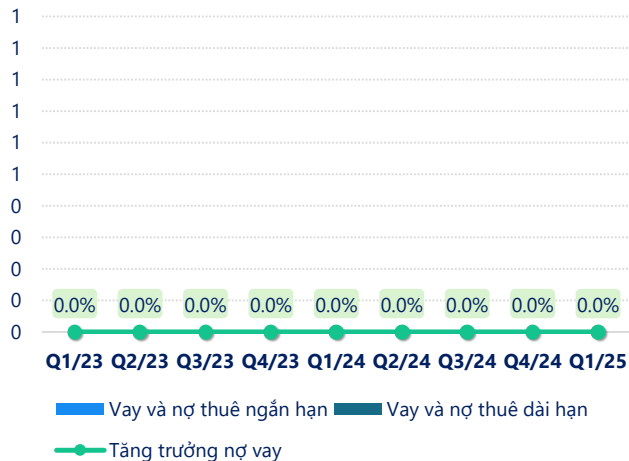
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

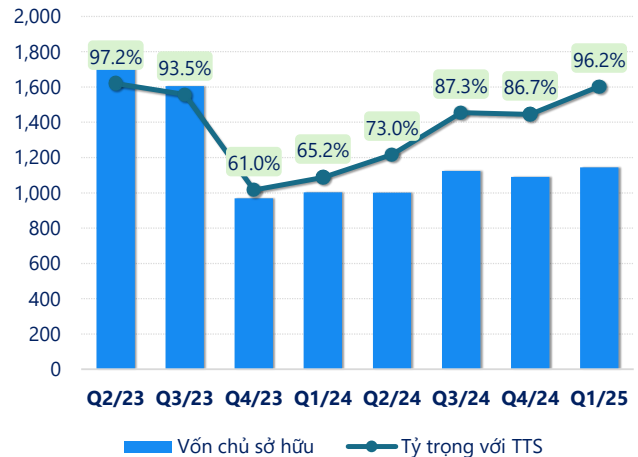
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



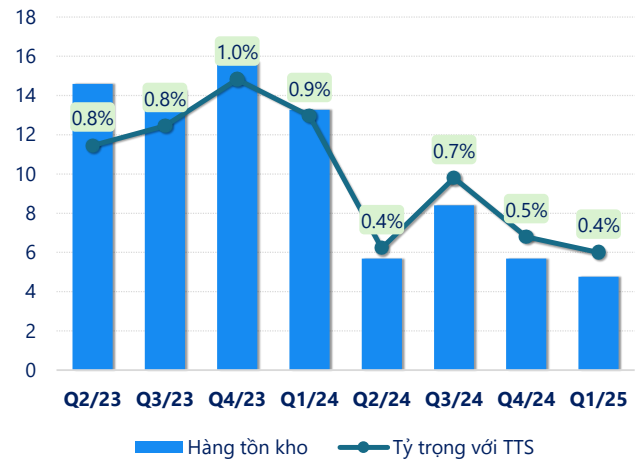
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

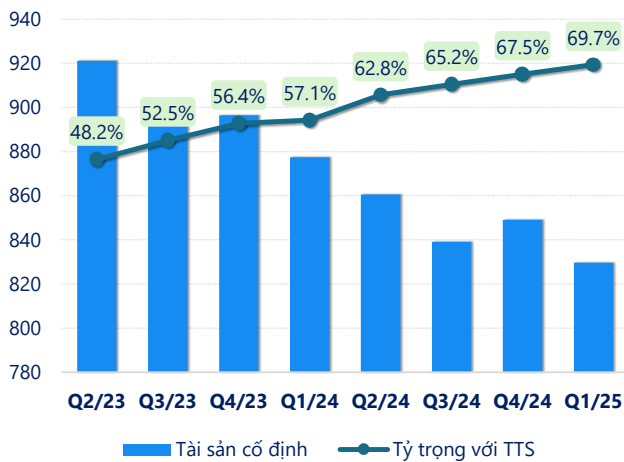

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


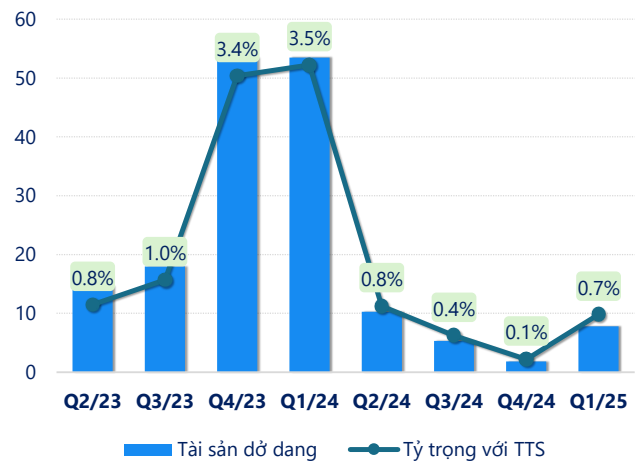
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

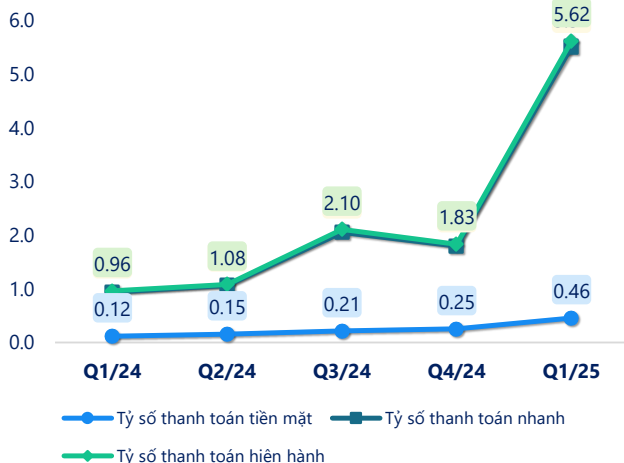
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

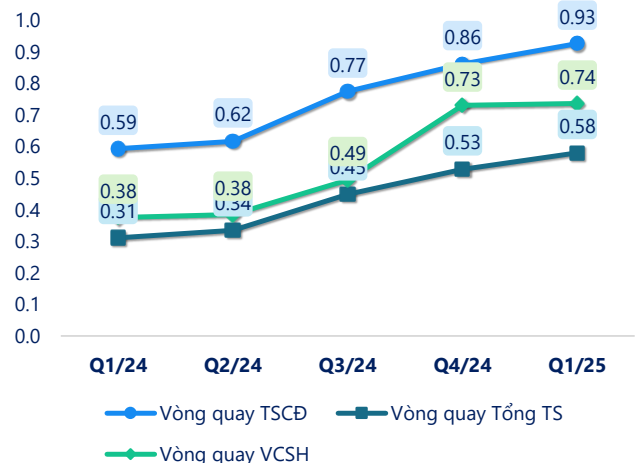
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,535	1,369	1,287	1,257	1,190
Tài sản ngắn hạn	513	399	343	306	254
Tiền và tương đương tiền	62.5	57.0	34.8	42.1	20.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	120	15.0	15.0	101
Phải thu ngắn hạn	317	214	285	243	127
Hàng tồn kho	13.3	5.68	8.41	5.69	4.76
Tài sản ngắn hạn khác	0.38	2.28	0.32	0.15	0.10
Tài sản dài hạn	1,022	970	944	952	936
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	877	861	839	849	830
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	53.4	10.3	5.33	1.83	7.78
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	79.8	79.8	79.8
Tài sản dài hạn khác	11.3	19.8	19.7	20.9	19.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	534	369	163	167	45.2
Nợ ngắn hạn	534	369	163	167	45.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	32.9	23.8	14.2	11.5	7.64
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,002	1,000	1,124	1,090	1,145
Vốn chủ sở hữu	1,002	1,000	1,124	1,090	1,145
Vốn điều lệ	751	751	751	751	751
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)